

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 914/2020/HC-ST

Ngày: 03-7-2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực hải quan.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thanh Minh.

2. Bà Hồ Thị Diệu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lệ Chiêu – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 và ngày 26 tháng 6 và ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại Phòng
xử án của Tòa án nhân dân Thành phố H đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành
chính thụ lý số 364/HCST ngày 07/11/2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực hải quan”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1945/2020/QĐXXST-HC ngày 27
tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 5262/2020/QĐST-HC ngày
25/5/2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phân bón và Hóa chất
V.

Trụ sở: Ấp 5, xã P, huyện BC, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn C, sinh
năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Tòa nhà The Vital, Quận A, Thành phố H.

2. Người bị kiện:

2.1. Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H.

Địa chỉ: phường B, Quận A, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H: Ông
Phan L – Phó Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H (có yêu cầu giải quyết vắng
mặt).

Theo Giấy ủy quyền số 19/UQ-HQHCM ngày 15/7/2019 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H: Ông Hoàng T (có mặt).

2.2. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A.

2.3. Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A.

Cùng địa chỉ: Phường C, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A: Bà Phạm L1 – Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Theo Quyết định ủy quyền số 5345/GUQ-KV1 ngày 17/7/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A: Ông Nguyễn T1 – Công chức Đội Thủ tục Hàng hóa nhập khẩu - Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A (có mặt).

Cùng địa chỉ: Phường C, Quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phân bón và Hóa chất V có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn C trình bày:***

Ngày 02/4/2018, công ty V nhận được Biên bản thanh tra của Đoàn Thanh tra Cục Hải quan Thành phố H với nội dung: Trong thời kỳ từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 31/12/2017 công ty đã khai sai mã số hàng hóa, thuế suất thuế nhập khẩu, thuế suất thuế giá trị gia tăng của các mặt hàng được xác định là: "Sulphate của Magie", "Sulphate của Sắt", " Sulphate của Natri", "Humic Axit". Công ty không đồng ý với nội dung trên bởi lẽ trong giai đoạn nói trên, công ty vẫn được thông quan hàng hóa bình thường, không có sự cảnh báo, ngăn chặn hay hướng dẫn nào từ phía cơ quan hải quan.

Ngày 20/6/2018, Cục Hải quan Thành phố H ra Kết luận thanh tra số 1624/ KL-HQHCM với nhận định công ty đã có hành vi khai sai mã số hàng hóa, thuế suất thuế nhập khẩu, thuế suất thuế giá trị gia tăng ở Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực B, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A, Chi cục Hải quan H (thuộc Cục Hải quan Thành phố H) liên quan đến các mặt hàng: “Sulphate của Magiê”, “Sulphate của Sắt”, “Sulphate của Natri”, "Humic Acid".

Ngày 25/7/2018, Công ty V gửi đơn khiếu nại lần đầu đối với Kết luận thanh tra số 1624/KL-HQHCM nói trên.

Ngày 10/10/2018, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A ban hành Quyết định số 15590/ÂĐT-HHN về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với công ty căn cứ vào Kết luận thanh tra số 1624/KL-HQHCM với số tiền 4.610.772.023 đồng.

Ngày 19/10/2018, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ra Quyết định số 51/QĐ-GQKN về việc giải quyết khiếu nại của công ty đối với Kết luận thanh tra số 1624/KL-HCM ngày 20/06/2018 (lần đầu) theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khiếu nại, sửa đổi điểm 1.2 khoản 1 Phần C của Kết luận thanh tra số 1624/KL-HQHCM về các khoản phí phải cộng vào trị giá tính thuế. Các nội dung khác liên quan đến khoản tiền thuế 4.610.772.023 đồng thì không được chấp nhận khiếu nại.

Ngày 08/10/2019, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A ban hành Quyết định số 6685/QĐ-KV1 về việc sửa đổi Quyết định ấn định thuế số 15590/ÂĐT-HHN ngày 10/10/2018, theo đó, ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với công ty là 4.294.079.339 đồng.

Không đồng ý, công ty có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận các yêu cầu sau:

- Hủy Kết luận thanh tra số 1624/KL-HCM ngày 20/6/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H;

- Hủy Quyết định số 51/QĐ-GQKN về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V 2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H;

- Hủy Quyết định số 15590/ÂĐT-HHN ngày 10/10/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với công ty;

- Hủy Quyết định số 6685/QĐ-KV1 ngày 08/10/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A về việc sửa đổi Quyết định ấn định thuế số 15590/ÂĐT-HHN ngày 10/10/2018;

- Yêu cầu chấm dứt hành vi không cho Công ty V khai báo Hải quan và không cho thông quan đối với những lô hàng đã hoàn tất thủ tục khai báo Hải quan của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A.

Lý do khởi kiện:

- Việc cơ quan hải quan xác định Công ty V sai phạm trong việc kê khai đối với 04 mặt hàng trên là không có cơ sở.

Thứ nhất, mặt hàng Magnesium Sulphate Heptahydrat (MgSO₄.7H₂O),

Công ty khai báo là nguyên liệu sản xuất phân bón với mã HS là 3103.90.00. Việc kê khai mặt hàng phân bón, bởi lẽ:

- + Căn cứ theo Thông tư 42/2011/TT-BNNPTNT hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xác định Magnesium Sulphate hàm lượng MgO: 25%; S: 20% là phân đa yếu tố là dùng để bón gốc, vì vậy khi nhập khẩu phải thực hiện chính sách về phân bón,

+ Công ty cũng đã làm thủ tục và tiến hành kiểm tra chất lượng hàng hóa đối với mặt hàng khai báo là phân bón gốc.

+ Trong giai đoạn nhập khẩu mặt hàng trên, công ty đã được kiểm tra thực tế vẫn được thông quan hàng hóa bình thường, không có bất kỳ văn bản nào hướng dẫn cảnh báo ngăn chặn về mặt hàng này.

+ Kết luận thanh tra số 1624 của Cục hải quan Thành phố H xác định hàng hóa trên có mã số HS là 2833.21.00 (Hóa chất) là không phù hợp, bởi lẽ: Cục hải quan Thành phố H căn cứ Công văn số 37/TCHQ-TXNK ngày 04/01/2016 của Tổng cục Hải quan về việc phân loại, áp dụng mức thuế mặt hàng magie sulphat đối với Công ty TNHH Hóa chất Thiên Việt, Công văn số 6787/TCHQ-TXNK ngày 17/10/2017 của Tổng cục Hải quan về việc phân loại mặt hàng Magnesium Sulphate đối với Công ty TNHH Nông nghiệp Nhiệt Đới, Công văn số 11264/TCHQ ngày 27/11/2015 của Tổng cục Hải quan về việc phân loại mặt hàng Magnesium Sulphate đối với Công ty TNHH Hóa chất Thiên Việt là không có cơ sở vì mặt hàng Magnesium Sulphate của công ty V khác với hóa chất Magnesium Sulphate tinh khiết, hàm lượng $MgSO_4$ không lớn hơn 99%. Căn cứ vào Công văn số 11809/KV1-ĐHHN ngày 10/11/2017, Công văn 1871/TĐNV-ĐH ngày 01/12/2017 thì mặt hàng Magnesium Sulphate của công ty V khác với hóa chất Magnesium Sulphate tinh khiết. Theo Công văn số 6787/TCHQ-TXNK ngày 17/10/2017 của Tổng cục Hải quan thì mặt hàng Magnesium Sulphate tinh khiết (>99%) được phân loại vào chương 28, cụ thể là mã HS 2833.21.00. Như vậy khi hàm lượng $MgSO_4$ cao hơn 99% mới được xem là hóa chất.

+ Công văn số 11369/TCHQ-TXNK về việc ban hành bản dịch chú giải chi tiết Danh mục HS là vào ngày 01/12/2015. Như vậy việc Cục Hải quan Thành phố sử dụng bản dịch chú giải chi tiết Danh mục HS đối với trường hợp nhập khẩu và khai mã HS giai đoạn 2013-2015 là không phù hợp quy định.

+ Thông tư 42/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xác định mặt hàng Magnesium Sulphate là phân đa yếu tố dùng để bón gốc, Công văn số 11369/TCHQ-TXNK của Tổng cục Hải quan hướng dẫn mặt hàng Magnesium Sulphate là hóa chất là có sự mâu thuẫn. Trong trường hợp này phải áp dụng văn bản có hiệu lực cao hơn là Thông tư 42/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xử lý.

Như vậy thấy rằng việc xác định mặt hàng là phân bón hay hóa chất phụ thuộc vào tỷ lệ, hàm lượng các chất hóa học có trong mặt hàng và việc gửi mẫu phân tích để phân loại là thuộc nhiệm vụ của cơ quan hải quan. Trong trường hợp cần phải phân tích, phân loại để xác định lại mặt hàng thì yêu cầu đơn vị nhập khẩu cung cấp mẫu hàng hóa và thực hiện yêu cầu phân tích để xác định lại theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên cơ quan hải quan đã không thực hiện việc này.

Thứ hai, mặt hàng Ferrous Sulphate Heptahydrate ($FeSO_4.7H_2O$),

Từ 01/01/2013 đến hết ngày 31/12/2014, Công ty nhập khẩu mặt hàng Ferrous Sulphate Heptahydrate và khai báo hàng hóa là phân vi lượng, nguyên

liệu dùng trong sản xuất phân bón với mã số hàng hóa là 3104.90.00 cho mặt hàng này, bởi lẽ:

- + Căn cứ Thông tư 36/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sản xuất và kinh doanh phân bón thì phân vi lượng bón rễ có chứa hàm lượng tối thiểu một trong các yếu tố dinh dưỡng sau đây: ...Sắt (Fe): 10.000 mg/kg (lít).

- + Thực tế mặt hàng Ferrous Sulphate Heptahydrate được dùng để làm phân vi lượng bón rễ và làm nguyên liệu dùng trong sản xuất phân bón. Công ty đã làm thủ tục và tiến hành kiểm tra chất lượng hàng hóa đối với mặt hàng khai báo là phân bón.

- + Trong giai đoạn nhập khẩu, công ty đã được kiểm tra thực tế vẫn được thông quan hàng hóa bình thường, không có bất kỳ văn bản nào hướng dẫn cảnh báo ngăn chặn về mặt hàng này.

- + Kết luận thanh tra số 1624 của Cục trưởng Cục hải quan Thành phố H xác định hàng hóa trên có mã số HS là 2833.21.00 (hóa chất) căn cứ vào Công văn số 11369/TCHQ-TXNK của Tổng cục Hải quan về việc ban hành bản dịch chú giải chi tiết Danh mục HS là vào ngày 01/12/2015 là không có căn cứ do: Việc Cục Hải quan Thành phố sử dụng bản dịch chú giải chi tiết Danh mục HS ban hành kèm Công văn số 11369/TCHQ-TXNK đối với trường hợp nhập khẩu và khai mã HS giai đoạn 2013-2014 là không phù hợp quy định; Thông tư 36/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xác định mặt hàng Ferrous Sulphate Heptahydrate là phân vi lượng bón rễ, Công văn số 11369/TCHQ-TXNK của Tổng cục Hải quan hướng dẫn mặt hàng Ferrous Sulphate Heptahydrate là hóa chất là có sự mâu thuẫn. Tuy nhiên phải áp dụng văn bản có hiệu lực cao hơn là Thông tư 36/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thứ ba, mặt hàng Natri sulphat,

Công ty nhập khẩu mặt hàng Natri sulphat từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 27/9/2017 khai báo là chất phụ gia trong sản xuất, chất tẩy rửa và đã áp mã hàng hóa HS 2833.19.00. Trên C/O (giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ghi nhận sản phẩm này là Natri sulphat). Trong giai đoạn nhập khẩu, công ty đã được kiểm tra thực tế, vẫn được thông quan hàng hóa bình thường, không có bất kỳ văn bản nào hướng dẫn cảnh báo ngăn chặn về mặt hàng này.

Kết luận thanh tra số 1624 của Cục hải quan Thành phố H xác định hàng hóa trên là “Dinatri sunphat” thuộc 99 tờ khai hải quan từ năm 2015 đến năm 2017 là không khách quan vì mặt hàng Natri sulphat khác với mặt hàng Dinatri sulphat.

- Cơ quan hải quan không tuân thủ trình tự theo quy định của pháp luật về việc xác định mã hàng hóa:

- + Cơ quan hải quan căn cứ vào các văn bản: Công văn 37/TCHQ-TXNK ngày 04/01/2016 của Tổng cục Hải quan về việc phân loại, áp dụng mức thuế mặt hàng magie sulphat; Công văn số 6787/TCHQ-TXNK ngày 17/10/2017 của Tổng cục Hải quan về việc phân loại mặt hàng Magnesium Sulphate; Thông báo

số 1420/TB-TCHQ ngày 17/02/2014 của Tổng cục Hải quan về kết quả phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là Sodium sulphate 99% min (Na_2SO_4) để kết luận mã hàng hóa. Tuy nhiên các văn bản nói trên đều có nội dung phải căn cứ vào kết quả phân tích hàm lượng chất để phân loại hàng hóa.

Tại Khoản 5 Điều 26 Luật Hải quan năm 2014 cũng có quy định: “5. Khi tiến hành kiểm tra hải quan, cơ quan hải quan xác định mã số hàng hóa căn cứ hồ sơ hải quan, kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc kết quả phân tích, giám định hàng hóa. Trong trường hợp không chấp nhận mã số hàng hóa do người khai hải quan khai, cơ quan hải quan có quyền lấy mẫu hàng hóa với sự chứng kiến của người khai hải quan để phân tích, trưng cầu giám định và quyết định mã số đối với hàng hóa đó; nếu người khai hải quan không đồng ý với kết quả phân loại của cơ quan hải quan thì có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.”

Tại Điều 1 và Điều 3 Quy chế phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 2131/QĐ-TCHQ năm 2015 của Tổng cục Hải quan thì:

“Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong khi làm thủ tục hải quan, sau khi đã thông quan và hàng hóa có yêu cầu xác định trước mã số mà công chức hải quan không đủ cơ sở xác định tính chính xác về chủng loại, cấu tạo, thành phần, tính chất công dụng của hàng hóa để định danh tên hàng và áp mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (sau đây gọi tắt là Danh mục, Biểu thuế) thì gửi đến đơn vị phân tích.”

“Đơn vị yêu cầu phân tích gồm các Vụ, Cục nghiệp vụ thuộc khối cơ quan Tổng cục Hải quan, các Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố, các Chi cục Hải quan, Đội Kiểm soát Hải quan và đơn vị tương đương.”

Tuy nhiên, khi xác định mã số HS đối với các mặt hàng nêu trên của Công ty V, cơ quan hải quan đã không tuân thủ quy trình trên.

- Đối với mặt hàng bị xác định lại thuế giá trị gia tăng thì phía người khởi kiện không đồng ý, bởi lẽ:

Tại tờ khai hải quan số 100065663020/02CI ngày 11/7/2014, công ty đã khai báo tên mặt hàng là Acid Humid, áp dụng mã hàng hóa 3102.90.00 với thuế suất nhập khẩu ưu đãi là 0% và mức thuế suất giá trị gia tăng là 5%. Việc kê khai mức thuế suất giá trị gia tăng là 5% bởi lẽ:

Thứ nhất, căn cứ Thông tư 131/2008/TT-BTC (có hiệu lực từ 01/01/2009 đến ngày 10/8/2014) hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng theo danh mục hàng hóa của biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thì Mã hàng 3102.90.00 (nguyên liệu sản xuất phân bón) hưởng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5%.

Thứ hai, tại Điều 7 Thông tư 49/2010/TT-BTC hướng dẫn việc phân loại, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì nguyên tắc áp dụng mức thuế được căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Trường hợp mặt hàng dễ nhầm lẫn, khó phân loại thì

Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn áp dụng mức thuế đối với mặt hàng đó phù hợp với yêu cầu bảo hộ sản xuất có chọn lọc, có điều kiện, có thời hạn, khuyến khích đầu tư, sản xuất trong nước;

Tuy nhiên, Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành luật thuế Giá trị gia tăng quy định chỉ mặt hàng phân bón được hưởng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5%, còn nguyên liệu sản xuất phân bón lại chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%. Quy định trên của pháp luật là không phù hợp vì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng cho nguyên liệu sản xuất đầu vào, làm giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh, sản xuất phân bón trong nước so với việc nhập khẩu phân bón từ nước ngoài vào Việt Nam. Hơn nữa, quy định chồng chéo của pháp luật gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xác định mức thuế để kê khai đối với các mặt hàng nhập khẩu. Bên cạnh đó, trong giai đoạn nhập khẩu mặt hàng này, Công ty vẫn được thông quan hàng hóa bình thường, không có bất kỳ văn bản nào của cơ quan hải quan yêu cầu nộp khoản tiền thuế bị thiếu nào.

Vì vậy, Việc Kết luận thanh tra số 1624/KL-HQHCM ngày 20/6/2018 của Cục hải quan Thành phố Hồ Chí Minh kết luận Công ty khai báo đúng mã số hàng hóa, nhưng khai sai thuế suất thuế Giá trị gia tăng của mặt hàng “Humic Acid” – Nguyên liệu sản xuất phân bón thuộc 01 tờ khai Hải quan (trong năm 2014) dẫn đến thiếu số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp là 8.158.464 đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về trình tự, thủ tục để Công ty V được thông quan hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật thì:

Căn cứ Điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ về kiểm tra, xác định trị giá hải quan: *“Trường hợp cơ quan hải quan có đủ cơ sở bác bỏ trị giá hải quan mà người khai hải quan khai báo, đồng thời người khai hải quan chấp nhận những cơ sở bác bỏ do cơ quan hải quan đưa ra thì cơ quan hải quan thông báo để người khai hải quan sửa đổi, bổ sung”*

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý tờ khai hải quan thì *“Trong trường hợp không chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, cơ quan Hải quan thông báo thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho người khai hải quan biết và nêu rõ lý do”*.

Căn cứ Mục 3 Kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa; đưa hàng về bảo quản, giải phóng hàng, thông quan hàng hóa tại Thông tư 38/2015/TT-BTC; Quyết định 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy trình thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì:

“Thông quan hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Hải quan, khoản 2 Điều 32 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Hàng hóa được thông quan trong các trường hợp sau đây:

a) Hàng hóa được thông quan sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan;

2. Quyết định thông quan hàng hóa

a) Nếu kết quả kiểm tra phù hợp, Hệ thống tự động kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế và quyết định thông quan;

b) Trường hợp Hệ thống không tự động kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế, người khai hải quan nộp chứng từ chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế (giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, chứng từ bảo lãnh,...) để công chức hải quan kiểm tra và xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế: nộp bản chụp, xuất trình bản chính để đối chiếu.”

Trong thời gian từ năm 2013-2017, Công ty V vẫn được thông quan hàng hóa đối với các mặt hàng trên, không có bất kỳ sự cảnh báo hay ngăn chặn hoặc thông báo nào từ cơ quan hải quan, điều này cho thấy công ty V đã thực hiện đầy đủ thủ tục nhập khẩu theo đúng quy định của pháp luật. Việc lưu trữ hồ sơ nhập khẩu đầy đủ và minh bạch cũng đã được cơ quan hải quan xác nhận trong Kết luận thanh tra số 1624/KL-HQHCM ngày 20/6/2018. Nay cơ quan hải quan lại kết luận công ty có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp là không có cơ sở.

- *Về nhiệm vụ của công chức hải quan:* Theo Điều 16 Luật Hải quan 2001, Điều 21 Luật Hải quan 2014, Mục 5 thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ, Phần IX Quyết định 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan thì: Công chức hải quan có nhiệm vụ kiểm tra việc khai tên hàng, mã số hàng hóa, mức thuế của người khai hải quan. Trường hợp có đủ cơ sở để xác định người khai hải quan khai không đúng tên hàng, mã số hàng hóa, mức thuế thì công chức hải quan phải thông báo cho người khai hải quan bổ sung trong thời hạn quy định. Trường hợp công chức hải quan không thực hiện kiểm tra chi tiết về tên hàng, mã số, mức thuế theo quy định dẫn đến thất thu thuế, phải chịu trách nhiệm về số tiền thuế thất thu theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, căn cứ theo quy định pháp luật, người khởi kiện đã làm đúng trình tự thủ tục hải quan, hàng hóa đã được cơ quan hải quan, công chức hải quan có thẩm quyền tiếp nhận, đăng ký hồ sơ hải quan, kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa, thu thuế phí, lệ phí theo đúng quy định của pháp luật và quyết định thông quan hàng hóa. Kết luận thanh tra số 1624/KL-HQHCM ngày 20/6/2018 của Cục Hải quan Thành phố H kết luận công ty thiếu số tiền thuế phải nộp là: 4.610.772.023 đồng, trong đó thuế nhập khẩu là: 3.862.000.749 đồng và thuế giá trị gia tăng là 748.771.274 đồng; sau khi giải quyết khiếu nại chỉ chấp nhận 1 phần khiếu nại liên quan đến khoản phụ phí vận tải, các nội dung còn lại liên quan đến việc áp lại mã số hàng hóa, truy thu thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và xử phạt vi phạm hành chính Công ty V vẫn bị truy thu thuế và xử phạt vi phạm hành chính là không có cơ sở và gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Bên cạnh đó, Công ty còn bị cơ quan Hải quan áp dụng biện pháp cưỡng chế trái với quy định của pháp luật. Căn cứ theo Điều 95 Luật Quản lý thuế về

Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế thì “*Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định về thuế phải được gửi cho đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn năm ngày làm việc trước khi thực hiện cưỡng chế*”. Nhưng trong khi chưa nhận được bất kỳ quyết định cưỡng chế nào, Công ty V lại bị áp dụng biện pháp cưỡng chế **cấm không cho khai báo Hải quan và không cho thông quan** đối với những lô hàng đã cập cảng và đã hoàn tất thủ tục Hải quan. Cụ thể:

+ Ngày 11/10/2018, khi Công ty tiến hành khai Hải quan đối với 04 (bốn) lô hàng đã cập cảng và đến cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A thì nhận được thông báo: Mã lỗi, nguyên nhân: Nợ thuế (quá 90 ngày);

+ Ngày 12/10/2018, khi Công ty đến Chi cục Hải quan cảng SG KV A để tiến hành thông quan lô hàng Polyluminium Chloride (PAC) theo bộ chứng từ số: 737106oc18001200 số bill tàu: 0348526822 - lô hàng này đã hoàn tất thủ tục khai báo Hải quan thì bị ngăn chặn không cho thông quan với lý do nợ thuế quá 90 ngày.

Việc cưỡng chế không đúng quy định pháp luật này của Cơ quan hải quan đã tạo nên những thiệt hại rất nặng nề đối với công ty. Do đó, ngày 25/10/2018, Công ty V đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, áp dụng Điều 70 Luật Tổ tụng Hành chính buộc chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A phải tạm dừng thực hiện hành vi dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu và đã được Tòa án nhân dân Thành phố H chấp thuận, ra Quyết định số 326/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/11/2018 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của công ty.

Hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty V vẫn đang bị đình trệ vì hiện công ty không được khai báo hải quan do cơ quan hải quan kết luận Công ty V nợ thuế quá hạn 90 (chín mươi) ngày.

Chính vì những lý do đã giải trình như trên, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố H xem xét, chấp thuận cho yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

**** Người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan L – Phó Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H có ý kiến trình bày:***

Việc ra Kết luận thanh tra số 1624/KL-HQHCM ngày 20/6/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H đã dựa trên các căn cứ sau:

Căn cứ thứ nhất: Các quy định của pháp luật về phân loại hàng hóa:

- Điều 26 Luật Hải quan năm 2014 có quy định: “*Phân loại hàng hóa để xác định mã số hàng hóa làm cơ sở tính thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa. Khi phân loại hàng hóa phải căn cứ hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để xác định tên gọi, mã số của hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam*”.

Trước đó là Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005.

- Điều 16 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan có quy định: “*Việc phân loại hàng hóa căn cứ vào hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin về thành phần, tính chất lý, hóa, tính năng, công dụng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*”. Trước đó là Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

- Thông tư số 14/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, Kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trước đó là Thông tư số 196/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại và Thông tư 128/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 10/09/2013 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Căn cứ thứ hai: Các quy định của pháp luật về Hải quan, về Thuế như:

- Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

- Biểu Thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo:

+ Thông tư 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2013.

+ Thông tư 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2014.

+ Thông tư 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2016.

+ Nghị định 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan có hiệu lực 01/9/2016.

Căn cứ thứ ba: Nội dung chú giải HS Chương 28, chú giải 1 Chương 31

Nội dung Chú giải HS Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01/7/2015 và thông tư 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017. Cụ thể là,

Tại chú giải 1 Chương 31 có nội dung: “*Chương này không bao gồm: Các hợp chất đã được xác định về mặt hoá học riêng biệt (trừ những mặt hàng đã ghi trong các Chú giải 2a, 3a, 4a hoặc 5 dưới đây)*”.

Tại chú giải Chương 28 có nội dung: “Tùy thuộc vào các trường hợp loại trừ như đã nêu trong phần giới thiệu của phân Chương này, nhóm này bao gồm các muối kim loại của axit sulphuric (H_2SO_4) (nhóm 28.07), nhưng loại trừ sun-phát amoni, ngay cả dạng tinh khiết thuộc nhóm 31.02 hoặc 31.05 và sun-phát kali tinh khiết hay không tinh khiết, thuộc nhóm 31.04 hoặc 31.05”.

Căn cứ thứ tư: Đoàn thanh tra đã tham khảo vào nội dung các văn bản sau:

- Công văn số 37/TCHQ-TXNK ngày 04/01/2016 của Tổng cục Hải quan về việc phân loại, áp dụng mức thuế mặt hàng magiê sulphat;

- Công văn số 6787/TCHQ-TXNK ngày 17/10/2017 của Tổng cục Hải quan về việc phân loại mặt hàng Magnesium Sulphate;

- Công văn số 11264/TCHQ ngày 27/11/2015 của Tổng cục Hải quan về việc phân loại mặt hàng Magnesium Sulphate;

- Thông báo số 1420/TB-TCHQ ngày 17/02/2014 của Tổng cục Hải quan về kết quả phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là Sodium sulphate 99% min (Na_2SO_4).

Từ các quy định của pháp luật thì một mặt hàng nhập khẩu chỉ có duy nhất một mã số HS, tại thời điểm khai báo hải quan doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý chuyên ngành (nếu có), kiểm tra chuyên ngành (nếu có), thực hiện các quy định nghĩa vụ về các loại thuế và quy trình thủ tục hải quan.

Căn cứ các quy định của pháp luật nêu trên, Cục Hải quan thành phố đã xác định việc chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế như trong Kết luận thanh tra số 1624/KL-HQHCM ngày 20/6/2018. Cụ thể là:

1. Đối với nhóm các mặt hàng “Sulphate của Magiê”, đây là mặt hàng hóa chất cơ bản có nhiều công dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Công ty đã khai báo công dụng là: Phân bón, nguyên liệu dùng sản xuất phân bón và áp mã số hàng hóa là 3104.90.00 hoặc 3105.10.90 thuộc Chương 31 - Phân bón theo Biểu thuế và đã áp thuế suất thuế nhập khẩu là 0%. Căn cứ các chứng từ tài liệu (Contract, Invoice, Bill of Lading, C/O, CA,...) thể hiện công thức cấu tạo theo thành phần hóa học là: $MgSO_4.7H_2O$, $MgSO_4.7H_2O$ hoặc $MgSO_4.H_2O$. Đây là hợp chất được xác định về mặt hóa học riêng biệt được định danh cụ thể tại Nhóm 2833 của Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam qua các thời kỳ và Biểu thuế xuất khẩu nhập khẩu. Thành phần tinh khiết từ 96% đến 99,5%. Dạng hạt, đóng gói với trọng lượng tịnh (Net weight) là 25 kg/bao. Căn cứ vào Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam qua các thời kỳ cho thấy:

* Nhóm 3104 Phân khoáng hoặc phân hóa học, có chứa kali.

31049000

- Loại khác

* Nhóm 3105 Phân khoáng hoặc phân hóa học chứa hai hoặc ba nguyên tố cấu thành phân bón là nitơ, phospho và ka li; phân bón khác; các mặt hàng

của Chương này ở dạng viên hoặc các dạng tương tự hoặc đóng gói với trọng lượng cả bì không quá 10 kg.

31051090

- - Loại khác

Căn cứ chú giải 1 Chương 31: “Chương này không bao gồm: Các hợp chất đã được xác định về mặt hoá học riêng biệt (trừ những mặt hàng đã ghi trong các Chú giải 2a, 3a, 4a hoặc 5 dưới đây)”.

Từ các căn cứ quy định của pháp luật nêu trên thì mặt hàng có tên “Sulphate của Magiê” MgSO_4 là hợp chất vô cơ có thành phần xác định riêng biệt đã được định danh tại: Nhóm 2833---Sulphat; phèn (alums); peroxosulphat (persulphat) nên không thuộc Chương 31 - Phân bón. Mã số phù hợp của mặt hàng này là 2833.21.00 (không phụ thuộc công dụng có làm phân bón hay không).

Bản thân doanh nghiệp cũng đã khai báo nhập khẩu mặt hàng này vào mã số 2833.21.00 và khai mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (thay vì phải 5%), tuy nhiên trong bộ hồ sơ công ty nộp Giấy chứng nhận xuất xứ phù hợp (C/O hợp lệ), do vậy theo quy định là phù hợp.

Đối với mặt hàng đa công dụng như “Sulphate của Magiê”, tùy công dụng Khai báo tại thời điểm làm thủ tục hải quan mà Công ty phải thực hiện các chính sách quản lý chuyên ngành, kiểm tra chuyên ngành, chính sách thuế...

Trường hợp của Công ty:

- Nếu công ty nhập khẩu mặt hàng “Sulphate của Magiê” mà khai báo dùng làm phân bón thì Công ty phải thực hiện khai báo vào mã số 2833.21.00 không C/O thì thuế NK = 5% (nếu nộp C/O hợp lệ thì thuế NK = 0%), đăng ký kiểm tra chất lượng nhà nước, công bố hợp quy nhưng ngược lại thì mặt hàng phân bón nhập khẩu là đối tượng không chịu thuế GTGT (0% VAT).

- Nếu công ty nhập khẩu mặt hàng “Sulphate của Magiê” mà khai báo là hóa chất thông thường thì Công ty phải nộp Giấy khai báo hóa chất, phải khai báo mã số 2833.21.00 không nộp C/O thì thuế NK = 5% (nếu nộp C/O hợp lệ thì thuế NK = 0%), 10% VAT.

- Ngày 27/6/2018, Cục Hải quan thành phố H đã có Công văn số 1687/HQHCM-TXNK trả lời cụ thể về vướng mắc của Công ty về phân loại mặt hàng “Sulphate của Magiê”.

2. Đối với các nhóm mặt hàng “Sulphate của sắt”, công ty khai báo là: Nguyên liệu trong sản xuất phân bón - Magnesium sulphate heptahydrate 98% $\text{MgSO}_4.7\text{H}_2\text{O}$, nguyên liệu dùng sản xuất phân bón Ferrous Sulphate Heptahydrate $\text{FeSO}_4.7\text{H}_2\text{O}$, nguyên liệu sản xuất phân bón - Humic Acid, về căn cứ pháp lý để xác định mã số thuế suất thuế nhập khẩu tương tự như đối với mặt hàng “Sulphate của Magiê” nêu trên.

3. Đối với nhóm các mặt hàng “Natri sulphat” được Công ty khai báo là: Sodium sulphate anhydrous 99 pct min (Chất phụ gia trong sản xuất chất tẩy rửa); Natri sulphate anhydrous 99 pct min (Chất phụ gia trong sản xuất chất tẩy

rửa), Sodium sulphate 99 pct min (Chất phụ gia trong sản xuất chất tẩy rửa)”. Công thức hóa học là: $\text{Na}_2\text{SO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$ hoặc Na_2SO_4 , dạng bột, đóng gói với trọng lượng tịnh (Net weight) là 50 kg/bao. Công ty khai báo là hóa chất cơ bản, khai báo Chương 28, mã số chi tiết 2833.19.00 – Loại khác. Đây là hợp chất được xác định về mặt hóa học riêng biệt, thành phần tinh khiết trên 99%.

Căn cứ tài liệu kỹ thuật của Công ty, tên gọi Sodium sulphate anhydrous hoặc Sodium sulphate; căn cứ từ điển Wikipedia thì Sodium sulphate có công thức hóa học là Na_2SO_4 (tên gọi là Dinatri sulphate).

Căn cứ vào Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam qua các thời kỳ, Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu:

Nhóm	Tên gọi	Thuế suất NK Ưu đãi	Thuế suất NK ACFTA
2833	Sulphat, phèn (alums); peroxosulphat (persulphat) - Natri sulphat:		
28331100	-- Dinatri sulphat	5%	5%
28331900	-- Loại khác	5%	0%

Căn cứ nội dung của bản dịch Chú giải HS chi tiết Chương 28 nhóm, Natri sunfat bao gồm: Diatri sunfat (sunfat trung tính, Na_2SO_4) dạng khan nhạt trạng thái hút nước; dạng bột hoặc tinh thể lớn trong suốt; dạng $10\text{H}_2\text{O}$ ($\text{Na}_2\text{SO}_4 \cdot 10\text{H}_2\text{O}$), dạng không tinh khiết của Na_2SO_4 (90.99% độ tinh khiết).

Đây là hợp chất vô cơ đã được xác định về mặt hóa học riêng biệt và được định danh tại nhóm 2833-- Sulphat; phèn (alums); peroxosulphat (persulphat), mã số chi tiết 2833.11.00, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi, và ưu đãi đặc biệt của mã số này đều là 5% (có C/O form E hoặc không).

Cụ thể: Từ ngày 01/01/2015 cho đến hết ngày 27/09/2017, Công ty khai báo hàng hóa Natri sunfat là chất phụ gia trong sản xuất chất tẩy rửa và đã áp mã số hàng hóa là 2833.19.00 cho mặt hàng này với mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (có nộp C/O form E) là 0%. Trong năm 2015, Công ty có khai báo hàng hóa là chất phụ gia trong sản xuất chất tẩy rửa và đã áp mã số hàng hóa là 2833.11.00 cho mặt hàng này thuộc 02 tờ khai Hải quan số: 100626952421/A11/02CI ngày 11/11/2015 và số 100651769520/A11/02CI ngày 30/11/2015.

Mình chứng rõ hơn là Tổng cục Hải quan có Thông báo số 1420/TB-TCHQ ngày 17/02/2014 về kết quả phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (do Cục Hải quan Đồng Nai gửi mẫu phân tích theo tờ khai hải quan số 15039/NKD05 ngày 25/12/2013).

Theo giải trình của công ty thì do tin tưởng vào trình độ chuyên môn của các công ty chuyên khai dịch vụ hải quan nên có sự chủ quan và không kiểm tra, rà soát lại, từ đó áp sai mã số và thuế suất. Tuy nhiên, công ty vẫn thực hiện đúng các quy định về quản lý chuyên ngành (đăng ký hợp quy, kiểm tra chất

lượng nhà nước). Công ty đã nhận thức được hành vi khai sai mã số là sai phạm không hề mong muốn từ phía công ty. Công ty đã nhận thức được sai phạm và đã khắc phục sai sót từ đầu năm 2018 đến nay.

Căn cứ thứ năm, căn cứ pháp lý để xác định thuế GTGT đối với mặt hàng “Phân bón”:

Trước ngày 01/01/2015 thì mặt hàng được xác định là phân bón thì chịu thuế GTGT với mức thuế suất là 5%. Từ ngày 01/01/2015 đến nay thì mặt hàng được xác định là phân bón thì không chịu thuế GTGT. Quy định này không áp dụng cho các trường hợp Công ty khai báo mặt hàng là “Nguyên liệu sản xuất phân bón”;

Sở dĩ mặt hàng hóa chất công ty nhập khẩu dùng làm phân bón không chịu thuế GTGT trong khi mã số của các mặt hàng này thuộc nhóm 2833 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi có thuế suất thuế GTGT là 10%, bởi lẽ:

Biểu thuế GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 83/2014/TT-BTC ngày 26/6/2014 của Bộ Tài chính thì tại Khoản 1 Điều 4 quy định “Trường hợp hàng hóa được quy định cụ thể thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc áp dụng thuế suất thuế GTGT là 5% hoặc 10% theo quy định của Luật thuế GTGT và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT thì thực hiện theo quy định tại các văn bản đó”.

Đồng thời theo quy định tại Điều 11 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính thì “Trong quá trình thực hiện, nếu có trường hợp mức thuế giá trị gia tăng tại Biểu thuế suất thuế GTGT theo Danh mục Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi không phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư này thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này”.

Cụ thể hơn, tại Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 hướng dẫn về Thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật số 71 có hiệu lực, tức là ngày 01/01/2015.

Tại Điều 1 Thông tư này cũng đã sửa đổi bổ sung Điều 4 - Đối tượng không chịu thuế GTGT Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể bổ sung Khoản 3a vào Điều 4 như sau: “*3a. Phân bón là các loại phân hữu cơ và phân vô cơ như: phân lân, phân đạm (ure), phân NPK, phân đạm hỗn hợp, phân phát phát, bột tạt; phân vi sinh và các loại phân bón khác*”.

- Đối với trường hợp của công ty: Trước ngày 01/01/2015 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 mặt hàng khai báo và đáp ứng đủ điều kiện về phân bón nhập khẩu của cơ quan quản lý chuyên ngành (kiểm tra chất lượng, công bố hợp quy) thì áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 5%. Từ ngày 01/01/2015 thì áp dụng đối tượng không chịu thuế GTGT (0%).

Đối với các mặt hàng công ty khai báo trên tờ khai hải quan là nguyên liệu sản xuất phân bón thì không được điều chỉnh mức thuế như mặt hàng phân bón, do vậy phải thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Trong biên bản thanh tra, công ty đã có nêu ý kiến “đồng ý nộp thuế bổ sung, nộp tiền phạt chậm nộp, chịu bị xử lý vi phạm hành chính theo đúng quy định hiện hành và cam kết không khiếu nại về những nội dung mà Đoàn thanh tra đã ghi nhận trong nội dung Biên bản này.

Theo nội dung các quy định nêu trên thì trong thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2013 cho đến hết ngày 31/12/2017), mặt hàng khai báo là nguyên liệu sản xuất phân bón không được hưởng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5% mà thuộc đối tượng chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%. Công ty đã khai báo mức thuế suất thuế giá trị gia tăng của mặt hàng được khai báo là “nguyên liệu sản xuất phân bón” dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

Liên quan đến các công chức hải quan trong quá trình tiến hành làm thủ tục cho công ty không phát hiện được các sai sót như trên, Cục Hải quan đã chỉ đạo trong các Kết luận thanh tra phải nghiêm túc xem xét kiểm điểm xử lý theo đúng quy định của ngành Hải quan.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 51/QĐ-GQKN ngày 19/10/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H:

Cục Hải quan Thành phố đã tiến hành thụ lý giải quyết đơn theo đúng quy định trình tự của Luật Khiếu nại, tổ chức xác minh và xem xét đầy đủ các nội dung mà Công ty khiếu nại. Kết quả đã sửa đổi điểm 1.2 khoản 1 Phần C của Kết luận thanh tra số 1624/KL-HQHCM.

**** Người bị kiện là Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A và Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm L1 có văn bản trình bày ý kiến:***

Căn cứ vào Kết luận số 1624/KL-HQHCM ngày 20/6/2018 của Cục Hải quan Thành phố H, ngày 10/10/2018, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn Khu vực A ban hành Quyết định số 15590/ÂĐT-HHN về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với Công ty TNHH phân bón và hóa chất V do khai sai mã số HS của 129 tờ khai hải quan doanh nghiệp mở tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn Khu vực A. Số tiền ấn định thuế của 129 tờ khai hải quan là 4.610.772.023 đồng (thuế nhập khẩu 3.862.000.749 VNĐ; thuế VAT là 748.771.274 VNĐ). Tổng số tiền ghi bằng chữ là bốn tỷ sáu trăm mười triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn không trăm hai mươi ba đồng)

Tuy nhiên, do xác định có sự nhầm lẫn, số tiền trên Quyết định ấn định thuế số 15590/ÂĐT-HHN; Số tiền thực tế ấn định cho 129 tờ khai hải quan mở tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A là 4.294.079.339 VNĐ (bốn tỷ hai trăm chín mươi tư triệu không trăm bảy mươi chín ngàn ba trăm ba mươi chín đồng) nên Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A đã ban hành Quyết định số 6685/QĐ-KV1 ngày 08/10/2019 sửa đổi quyết định ấn định thuế số 15590/ÂĐT-HHN ngày 10/10/2018 để xác định lại cho đúng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là Công ty TNHH phân bón và hóa chất V xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó, yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Hủy Kết luận thanh tra số 1624/KL-HCM ngày 20/06/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H;

- Hủy Quyết định số 51/QĐ-GQKN ngày 19/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H;

- Hủy Quyết định số 6685/QĐ-KV1 ngày 08/10/2019 sửa đổi Quyết định ấn định thuế số 15590/ÂĐT-HHN ngày 10/10/2018.

Và rút lại các yêu cầu khởi kiện: Hủy Quyết định hành chính số 15590/ÂĐT-HHN của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn - Khu vực A về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V (vì đã được thay bằng Quyết định số 6685/QĐ-KV1); Yêu cầu chấm dứt hành vi không cho Công ty V khai báo Hải quan và không cho thông quan đối với những lô hàng đã hoàn tất thủ tục khai báo Hải quan của Công ty V của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A (vì cơ quan hải quan đã chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H là ông Hoàng T có ý kiến tranh luận: Phía người bị kiện vẫn giữ nguyên những quan điểm trước đây tại Tòa án, đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn - Khu vực A và Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn - Khu vực A là ông Nguyễn Xuân Toan có ý kiến tranh luận: Phía người bị kiện vẫn giữ nguyên những quan điểm trước đây tại Tòa án, đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện. Đối với nội dung rút lại một phần yêu cầu khởi kiện thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến: Về thủ tục: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện về việc hủy Kết luận thanh tra số 1624/KL-HCM ngày 20/06/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H; Hủy Quyết định số 51/QĐ-GQKN ngày 19/10/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V; Hủy Quyết định số 6685/QĐ-KV1 ngày 08/10/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A về việc sửa đổi Quyết định ấn định thuế số 15590/ÂĐT-HHN ngày 10/10/2018. Đồng thời đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện mà người khởi kiện đã rút lại, cụ thể là yêu cầu về việc Hủy Quyết định số 15590/ÂĐT-HHN ngày 10/10/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A về việc ấn

định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V; Yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A chấm dứt hành vi không cho Công ty Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V khai báo hải quan và không cho thông quan đối với những lô hàng đã hoàn tất thủ tục khai báo hải quan.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty TNHH phân bón và hóa chất V và Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn - Khu vực A, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn - Khu vực A là tranh chấp về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực hải quan” được quy định tại Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Do người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A nên căn cứ Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì việc thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Thành phố H. Theo Quyết định số 4292/QĐ-TCHQ ngày 12/12/2016 của Tổng cục Hải quan quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố thì Chi cục hải quan trực thuộc Cục Hải quan cấp tỉnh, có tư cách pháp nhân.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Theo Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 1919/QĐ-BTC ngày 06/9/2016 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Cục Hải quan có thẩm quyền tổ chức thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về hải quan theo quy định của pháp luật.

Theo Khoản 2 Điều 2, Khoản 1 Điều 82, Khoản 1 Điều 87 Luật Quản lý thuế năm 2006 thì thủ trưởng cơ quan quản lý thuế (trong đó có Cục trưởng Cục Hải quan) có thẩm quyền ra quyết định thanh tra thuế và chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thanh tra thuế, người ra quyết định thanh tra thuế phải có văn bản kết luận thanh tra thuế.

Theo quy định tại Điều 71 Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP thì Kết luận thanh tra thuế có thể bị khiếu nại, khởi kiện. Theo quy định tại Điều 52 Nghị định 83/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật quản lý thuế năm 2006 và Luật quản lý thuế sửa đổi năm 2012 thì Cục trưởng Cục Hải quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình.

Do đó, người khởi kiện xác định người bị kiện là Cục trưởng Cục hải

quan là đúng quy định.

Theo quy định tại Điều 9 Luật Quản lý thuế năm 2006, Điểm đ Khoản 1 Điều 33 Nghị định 83/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật quản lý thuế năm 2006 và Luật quản lý thuế sửa đổi năm 2012 thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan có thẩm quyền ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Do đó, người khởi kiện xác định người bị kiện là Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A chấm dứt hành vi hành chính không cho doanh nghiệp khai báo hải quan và thông quan thì thấy rằng Khai hải quan, thông quan là các hành vi hành chính của công chức hải quan thuộc Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A để giải quyết việc xuất nhập khẩu hàng hóa của các tổ chức, cá nhân. Do đó, người khởi kiện xác định người bị kiện là Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng thì thấy rằng:

Người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan L – Phó Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị L1 – Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì Tòa án xét xử vắng mặt đương sự nói trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/06/2018, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Kết luận thanh tra số 1624/KL-HCM. Ngày 19/10/2018, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 51/QĐ-GQKN về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V. Ngày 25/10/2018, Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V có đơn khởi kiện đối với các quyết định hành chính nói trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Ngày 08/10/2019, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A ban hành Quyết định số 6685/QĐ-KV1 ngày về việc ấn định thuế đối với hàng hóa, xuất khẩu, nhập khẩu. Ngày 11/11/2019, Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V có đơn khởi kiện bổ sung đối với quyết định nói trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu của người khởi kiện và ý kiến phản bác của người bị kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Kết luận Thanh tra số 1624/KL-HCM ngày 20/06/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H thì trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017, Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V đã có hành vi khai sai mã số

hàng hóa, thuế suất nhập khẩu một số mặt hàng, thể hiện thông qua 157 tờ khai hải quan, cụ thể như sau:

- Đối với nhóm các mặt hàng “Sulphate của Magiê” thì tại 46 tờ khai hải quan, doanh nghiệp V đã khai báo công dụng là phân bón, phân bón gốc, nguyên liệu dùng sản xuất phân bón và đã áp mã 3104.90.00 hoặc 3105.10.90 với mức thuế suất thuế nhập khẩu là 0%. Theo nội dung Chú giải HS Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 103/2015/TT-BTC và Thông tư 65/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì:

Tại chú giải 1 Chương 31 có nội dung: “*Chương này không bao gồm: Các hợp chất đã được xác định về mặt hoá học riêng biệt (trừ những mặt hàng đã ghi trong các Chú giải 2a, 3a, 4a hoặc 5 dưới đây)*”.

31.04 Phân khoáng hoặc phân hóa học, có chứa kali.

31.05 Phân khoáng hoặc phân hóa học chứa hai hoặc ba nguyên tố cấu thành phân bón là nitơ, phospho và ka li; phân bón khác; các mặt hàng của Chương này ở dạng viên hoặc các dạng tương tự hoặc đóng gói với trọng lượng cả bì không quá 10 kg.

Mặt khác, tại chú giải Chương 28 có nội dung: “*Tùy thuộc vào các trường hợp loại trừ như đã nêu trong phần giới thiệu của phân Chương này, nhóm này bao gồm các muối kim loại của axit sulphuric (H₂SO₄) (nhóm 28.07), nhưng loại trừ sun-phát amoni, ngay cả dạng tinh khiết thuộc nhóm 31.02 hoặc 31.05 và sun-phát kali tinh khiết hay không tinh khiết, thuộc nhóm 31.04 hoặc 31.05*”.

28.33 Sulphat; phèn (alums); peroxosulphat (persulphat).

- Natri sulphat:

2833.11.00 - - Dinatri sulphat

2833.19.00 - - Loại khác

- Sulphat loại khác:

2833.21.00 - - Của magiê

2833.22 - - Của nhôm:

2833.22.10 - - - Loại thương phẩm

2833.22.90 - - - Loại khác

2833.24.00 - - Của niken

2833.25.00 - - Của đồng

2833.27.00 - - Của bari

2833.29 - - Loại khác:

2833.29.20 - - - Chì sulphat tribazơ

2833.29.30 - - - Cửa crôm

2833.29.90 - - - Loại khác

Như vậy, theo các chú giải HS viện dẫn trên, thì mặt hàng “Sulphate của Magiê” có công thức cấu tạo theo thành phần hóa học là $MgSO_4 \cdot 7H_2O$, $MgSO_4 \cdot 1H_2O$ hoặc $MgSO_4 \cdot H_2O$. Đây là hợp chất được xác định về mặt hóa học riêng biệt, phù hợp với mô tả tại Chương 28 Chú giải HS.

Người khởi kiện cho rằng, mặt hàng do doanh nghiệp nhập khẩu về có thành phần tinh khiết nhỏ hơn 99%, do đó phải thuộc chương 31 Chú giải HS. Hội đồng xét xử thấy rằng lập luận này không có căn cứ, bởi lẽ, các mặt hàng thuộc chương 31 là phân khoáng hoặc phân hóa học, có chứa kali, nitơ, phospho, tức hiểu rằng thành phần phải có nguyên tố kali (nhóm 31.04), hoặc chứa hai trong ba nguyên tố nitơ, phospho và ka li (nhóm 31.05). Do đó, doanh nghiệp cho rằng mặt hàng Sulphate của Magiê của mình thuộc nhóm 31 là chưa có căn cứ. Về ý kiến cho rằng do thành phần tinh khiết nhỏ hơn 99% nên không thể xem là hóa chất thì doanh nghiệp không xuất trình được căn cứ pháp lý.

Người khởi kiện cũng cho rằng theo Thông tư 42/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì mặt hàng Sulphate của Magiê có hàm lượng MgO: 25%, S:20% được gọi là phân bón. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quy định về vấn đề hàm lượng các nguyên tố hóa học làm căn cứ xác định hợp chất là phân bón, tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định 202/2013/NĐ-CP về quản lý phân bón, Điều 17 đã quy định:

“1. Tổ chức, cá nhân được nhập khẩu phân bón khi đáp ứng đủ điều kiện sau:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về kinh doanh phân bón do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Có Giấy chứng nhận hợp quy lô phân bón nhập khẩu do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp;

c) Loại phân bón nhập khẩu phải có nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa, đáp ứng được quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đảm bảo môi trường.

2. Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn cụ thể giấy tờ, tài liệu mà tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón xuất trình cho Cơ quan Hải quan để làm cơ sở thực hiện thủ tục hải quan đối với phân bón vô cơ. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cụ thể giấy tờ, tài liệu mà tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón xuất trình cho Cơ quan Hải quan để làm cơ sở thực hiện thủ tục hải quan đối với phân bón hữu cơ và phân bón khác.”

Theo quy định tại Điều 15 Thông tư 29/2014/TT-BCT quy định và hướng dẫn thực hiện về phân bón vô cơ; hướng dẫn cấp phép sản xuất phân bón vô cơ đồng thời sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác tại Nghị định 202/2013/NĐ-CP về quản lý phân bón thì:

“Điều 15. Giấy tờ, tài liệu nhập khẩu phân bón vô cơ

Ngoài các giấy tờ, tài liệu theo quy định của pháp luật về nhập khẩu hàng hóa, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón vô cơ phải xuất trình cho Cơ quan Hải quan giấy tờ, tài liệu sau:

1. Trường hợp nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh phân bón: a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về kinh doanh phân bón do cơ quan có thẩm quyền cấp, chỉ xuất trình khi nhập khẩu lần đầu; b) Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy lô phân bón nhập khẩu do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.”

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì hồ sơ khai báo hải quan của công ty V chưa tuân thủ đầy đủ các quy định chuyên ngành của nhà nước về quản lý phân bón.

Hội đồng xét xử cũng đánh giá các tài liệu chứng cứ do người bị kiện cung cấp thì thấy rằng thực tiễn công tác phân loại hàng hóa đối với mặt hàng Magnesium Sulphate tại Công văn số 37/TCHQ-TXNK ngày 04/01/2016 của Tổng cục Hải quan; Công văn số 6787/TCHQ-TXNK ngày 17/10/2017 của Tổng cục Hải quan; Công văn số 11264/TCHQ ngày 27/11/2015 của Tổng cục Hải quan về phân loại mặt hàng Magnesium Sulphate thì có thể thấy rằng, mặt hàng Magnesium Sulphate được các cơ quan hải quan xác định có 01 mã số HS duy nhất thuộc chương 28 là hóa chất. Đây là mặt hàng có nhiều công năng sử dụng khác nhau, việc xác định mã HS đối với mặt hàng này không phụ thuộc vào công dụng của hàng hóa.

Doanh nghiệp V tuy có khai rằng việc nhập khẩu hàng hóa của mình chỉ được dùng cho mục đích làm phân bón nhưng doanh nghiệp cũng không chứng minh được mà chỉ là lời khai trình bày.

Do đó, có cơ sở xác định rằng doanh nghiệp có hành vi khai sai mã hàng hóa đối với mặt hàng Magnesium Sulphate và việc xác định mặt hàng trên thuộc chương 28 Chú giải HS là có căn cứ.

Theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm các Thông tư 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2013; Thông tư 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2014; Thông tư 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2016; Nghị định 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan có hiệu lực 01/9/2016 thì mức thuế suất nhập khẩu là ưu đãi đối với mặt hàng Magnesium Sulphate là 5%. Do doanh nghiệp không xuất trình được C/O form E hợp lệ khi thực hiện

thủ tục hải quan nên cơ quan hải quan không cho hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% là có căn cứ.

- Đối với nhóm các mặt hàng “Sulphate của Sắt” thì tại 12 tờ khai hải quan, doanh nghiệp V đã khai báo công dụng là phân bón, phân bón gốc, nguyên liệu dùng sản xuất phân bón và đã áp mã 3104.90.00 với mức thuế suất thuế nhập khẩu là 0% thì như đã phân tích, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặt hàng “Sulphate của Sắt” có công thức cấu tạo theo thành phần hóa học là $\text{FeSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$ có cơ sở xác định là hóa chất thuộc chương 28, thuộc mã 2833.29.90 có mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi là 5%. Do doanh nghiệp không xuất trình được C/O form E hợp lệ khi thực hiện thủ tục hải quan nên không được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% là đúng quy định.

- Đối với nhóm mặt hàng “Natri sulphat” tại 99 tờ khai hải quan, doanh nghiệp V đã xác định mã hàng hóa là 2833.19.00 – Loại khác, với mức thuế suất ưu đãi đặc biệt là 0% thì Hội đồng xét xử thấy rằng, đây là hợp chất được xác định về mặt hóa học riêng biệt được phân loại vào chương 28 (Hóa chất). Căn cứ tài liệu kỹ thuật của công ty thì có cơ sở xác định công thức hóa học của mặt hàng này là $\text{Na}_2\text{SO}_4 \cdot \text{H}_2\text{O}$ hoặc Na_2SO_4 và mặt hàng này có tên gọi là Sodium sulphate. Căn cứ Chú giải HS Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 103/2015/TT-BTC và Thông tư 65/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, tại Chương 28 thì mặt hàng này có mã là 2833.11.00. Việc doanh nghiệp xác định mã 2833.19.00 là không có căn cứ.

Thực tiễn công tác phân loại hàng hóa đối với mặt hàng Natri sulphat tại Thông báo số 1420/TB-TCHQ ngày 17/02/2014 của Tổng cục Hải quan về kết quả phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì mặt hàng Sodium sulphate có công thức hóa học là Na_2SO_4 được kết luận có mã hàng hóa là 2833.11.00.

28.33 Sulphat; phèn (alums); peroxosulphat (persulphat).

- Natri sulphat:

2833.11.00 - - Dinatri sulphat

2833.19.00 - - Loại khác

Theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm các Thông tư 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2013; Thông tư 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2014; Thông tư 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2016; Nghị định 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối,

thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan có hiệu lực 01/9/2016 thì mức thuế suất nhập khẩu là ưu đãi đặc biệt đối với mặt hàng Sodium sulphate là 5% (không phụ thuộc vào việc có C/O form E hay không).

- Đối với nội dung ấn định số thuế giá trị gia tăng còn thiếu của doanh nghiệp V thì thấy rằng, trong thời kỳ thanh tra từ năm 2013 đến năm 2017 thì doanh nghiệp đã khai báo mặt hàng nguyên liệu sản xuất phân bón có thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5% là chưa phù hợp các quy định của pháp luật. Cụ thể:

Theo quy định tại Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế năm 2014 thì mặt hàng nguyên liệu sản xuất phân bón có mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%. Theo Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 thì mặt hàng phân bón có mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5%. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015) thì mặt hàng phân bón có mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%. Doanh nghiệp cho rằng đây là quy định không hợp lý của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định doanh nghiệp khai sai mức thuế suất thuế giá trị gia tăng. Các lập luận bảo vệ của người khởi kiện là không có căn cứ.

Do việc xác định sai mã HS đối với các mặt hàng “Sulphate của Magiê”, “Sulphate của Sắt”, “Natri sulphat”, xác định sai mức thuế suất nhập khẩu đã dẫn đến việc doanh nghiệp đóng thiếu số thuế nhập khẩu theo quy định. Mặt khác, do doanh nghiệp xác định sai mức thuế suất thuế giá trị gia tăng đã dẫn đến việc doanh nghiệp đóng thiếu số thuế giá trị gia tăng theo quy định theo quy định. Kết luận Thanh tra số 1624/KL-HCM ngày 20/06/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H đã xác định Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V phải đóng số tiền thuế còn thiếu là 4.610.772.023 đồng là có cơ sở. Quyết định số 51/QĐ-GQKN ngày 19/10/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V đã giữ nguyên nội dung này là có căn cứ, đúng pháp luật. Thực hiện kết luận thanh tra của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H, Chi cục trưởng Chi cục Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A đã ban hành Quyết định số 6685/QĐ-KV1 ngày 08/10/2019 về việc ấn định thuế, buộc Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V phải đóng số tiền thuế còn thiếu là 4.294.079.339 đồng tương ứng với 129 tờ khai hải quan mà doanh nghiệp mở tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn Khu vực A là có đúng quy định. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Kết luận thanh tra số 1624/KL-HCM ngày 20/06/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H; Hủy Quyết định số 51/QĐ-GQKN ngày 19/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H; Hủy Quyết định số 6685/QĐ-KV1 ngày 08/10/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A về việc sửa đổi Quyết định ấn định thuế số 15590/ÂĐT-HHN ngày 10/10/2018.

Đối với việc người khởi kiện rút lại yêu cầu khởi kiện về việc: Hủy Quyết định số 15590/ÂĐT-HHN; Yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A chấm dứt hành vi không cho Công ty Công ty TNHH Phân bón và

Hóa chất V khai báo Hải quan và không cho thông quan đối với những lô hàng đã hoàn tất thủ tục khai báo hải quan thì thấy rằng việc rút yêu cầu là tự nguyện, không trái các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này theo quy định và ban hành quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 326/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07/11/2018.

Về án phí hành chính sơ thẩm, người khởi kiện phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định 83/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật quản lý thuế năm 2006 và Luật quản lý thuế sửa đổi năm 2012;

Căn cứ Nghị định 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan có hiệu lực 01/9/2016;

Căn cứ Thông tư 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2013;

Căn cứ Thông tư 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2014;

Căn cứ Thông tư 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế có hiệu lực 01/01/2016;

Căn cứ Thông tư số 103/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 65/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số 1919/QĐ-BTC ngày 06/9/2016 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phân bón và Hóa chất V về việc:

- Hủy Kết luận thanh tra số 1624/KL-HCM ngày 20/06/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H;

- Hủy Quyết định số 51/QĐ-GQKN ngày 19/10/2018 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V;

- Hủy Quyết định số 6685/QĐ-KV1 ngày 08/10/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A về việc sửa đổi Quyết định ấn định thuế số 15590/ÂĐT-HHN ngày 10/10/2018.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 15590/ÂĐT-HHN ngày 10/10/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực A về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V.

- Yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn - Khu vực A chấm dứt hành vi không cho Công ty Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V khai báo hải quan và không cho thông quan đối với những lô hàng đã hoàn tất thủ tục khai báo Hải quan.

Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V có quyền khởi kiện lại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính nói trên theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V không phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0045562 ngày 05/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất V đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. H;
- VKSND TP.H;
- Cục Thi hành án Dân sự TP.H;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thế Trọng

